

Phụ lục II
DỰ KIẾN VỐN NGÂN SÁCH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HỖ TRỢ DNNVV
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG ĐẾN NĂM 2025

(kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

DVT: triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Nguồn kinh phí Ngân sách Nhà nước	Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí		
	TỔNG CỘNG		3	30	90	0	0	0	278	2.255	8.420	288	2.315	8.940	17.450	
I	HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ, TƯ VẤN VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC		3	30	90	0	0	0	37	780	2.280	38	780	2.330	4.700	
1	Hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa								21	520	1.640	22	520	1.690	3.330	
1.1	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa	<i>Hợp đồng/năm</i>							3	150	250	4	150	300	550	Sở Thông tin và Truyền thông
1.1.1	<i>Đối với doanh nghiệp nhỏ.</i>	<i>Hợp đồng/năm</i>							1	50	50	2	50	100	150	
1.1.2	<i>Đối với doanh nghiệp vừa</i>	<i>Hợp đồng/năm</i>							2	100	200	2	100	200	400	

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Nguồn kinh phí Ngân sách Nhà nước	Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí		
1.2	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyên đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 20 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp siêu nhỏ; không quá 50 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa.	<i>Doanh nghiệp/năm</i>							12	170	790	12	170	790	1.580	Sở Thông tin và Truyền thông
1.2.1	<i>Đối với doanh nghiệp siêu nhỏ.</i>	<i>Doanh nghiệp/năm</i>							2	20	40	2	20	40	80	
1.2.2	<i>Đối với doanh nghiệp nhỏ.</i>	<i>Doanh nghiệp/năm</i>							5	50	250	5	50	250	500	
1.2.3	<i>Đối với doanh nghiệp vừa.</i>	<i>Doanh nghiệp/năm</i>							5	100	500	5	100	500	1.000	
1.3	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.	<i>Hợp đồng/năm</i>							4	100	400	4	100	400	800	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Nguồn kinh phí Ngân sách Nhà nước	Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí		
1.4	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn chuyên giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	Hợp đồng/năm							2	100	200	2	100	200	400	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa		3	30	90				16	260	640	16	260	640	1.370	
2.1	Hỗ trợ đào tạo trực tiếp về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp	Khóa đào tạo	3	30	90				5	60	150	5	60	150	390	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Kiên Giang
2.1.1	Hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa đào tạo về khởi sự kinh doanh và tối đa 70% tổng chi phí của một khóa quản trị doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Khóa đào tạo	3	30	90				5	60	150	5	60	150	390	
2.1.1.1	Hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa đào tạo về khởi sự kinh doanh.	Khóa đào tạo	3	30	90				4	30	120	4	30	120	330	

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Nguồn kinh phí Ngân sách Nhà nước	Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí		
2.1.1.2	Hỗ trợ tối đa 70% tổng chi phí của một khóa quản trị doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (Miễn học phí cho học viên của doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp xã hội khi tham gia khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp).	Khóa đào tạo							1	30	30	1	30	30	60	
2.2	Hỗ trợ đào tạo trực tuyến về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp									100	100		100	100	200	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Kiên Giang
2.2.1	Kinh phí xây dựng, duy trì, nâng cấp hệ thống đào tạo trực tuyến; khảo sát về nhu cầu đào tạo trực tuyến, truyền thông, quảng bá hệ thống đào tạo trực tuyến cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.									100	100		100	100	200	
2.3	Hỗ trợ đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất, chế biến.	Khóa đào tạo							6	50	140	6	50	140	280	Sở LD-TB&XH thực hiện
2.3.1	Hỗ trợ tối đa 70% tổng chi phí của một khóa đào tạo tại doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng không quá 01 khóa/năm/doanh nghiệp	Khóa đào tạo							4	20	80	4	20	80	160	

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Nguồn kinh phí Ngân sách Nhà nước	Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí		
2.3.2	Hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khoá đào tạo tại doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp xã hội nhưng không quá 01 khoá/năm/doanh nghiệp	Khóa đào tạo							2	30	60	2	30	60	120	
2.4	Hỗ trợ đào tạo nghề (Hỗ trợ chi phí đào tạo cho người lao động của doanh nghiệp nhỏ và vừa khi tham gia khóa đào tạo nghề trình độ sơ cấp hoặc chương trình đào tạo từ 03 tháng trở xuống. Các chi phí còn lại do doanh nghiệp nhỏ và vừa và người lao động thỏa thuận. Người lao động tham gia khóa đào tạo phải đáp ứng điều kiện đã làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa tối thiểu 06 tháng liên tục trước khi tham gia khóa đào tạo).	Khóa đào tạo							5	50	250	5	50	250	500	Sở LĐ-TB&XH thực hiện
II	HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO								99	745	2.620	106	805	2.990	5.610	
1	Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung.								6	20	120	8	80	240	360	
1.1	Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 20 triệu đồng/năm/doanh nghiệp	Doanh nghiệp							6	20	120	6	20	120	240	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Nguồn kinh phí Ngân sách Nhà nước	Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí		
1.2	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 5 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa là 03 năm kể từ ngày doanh nghiệp ký hợp đồng thuê mặt bằng (thời gian hỗ trợ tối đa không quá năm 2025).	Doanh nghiệp										2	60	120	120	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ	Hợp đồng/năm							10	160	380	10	160	380	760	
2.1	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	Hợp đồng/năm							4	30	120	4	30	120	240	Sở Khoa học và Công nghệ
2.2	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng bản mô tả sáng chế, bản thiết kế kiểu dáng công nghiệp, bản thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	Hợp đồng/năm							2	30	60	2	30	60	120	Sở Khoa học và Công nghệ
2.3	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	Hợp đồng/năm							2	50	100	2	50	100	200	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Nguồn kinh phí Ngân sách Nhà nước	Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí		
2.4	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	Hợp đồng/năm							2	50	100	2	50	100	200	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới	Hợp đồng/năm							51	150	830	51	150	830	1.660	
3.1	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp và xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.	Hợp đồng/năm							4	60	120	4	60	120	240	Sở Khoa học và Công nghệ
3.1.1	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.	Hợp đồng/năm							2	10	20	2	10	20	40	
3.1.2	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.	Hợp đồng/năm							2	50	100	2	50	100	200	

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Nguồn kinh phí Ngân sách Nhà nước	Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí		
3.2	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp	Hợp đồng/năm							40	10	400	40	10	400	800	Sở Khoa học và Công nghệ
3.3	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm sản phẩm mới tại các đơn vị, tổ chức thử nghiệm sản phẩm hàng hóa nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.	Hợp đồng/năm							2	30	60	2	30	60	120	Sở Khoa học và Công nghệ
3.4	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.	Hợp đồng/năm							5	50	250	5	50	250	500	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Hỗ trợ công nghệ	Hợp đồng/năm							2	100	200	2	100	200	400	
4.1	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.	Hợp đồng/năm							2	100	200	2	100	200	400	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Nguồn kinh phí Ngân sách Nhà nước	Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí		
5	Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu.								8	55	130	8	55	130	260	
5.1	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khoá đào tạo chuyên sâu trong nước cho học viên của doanh nghiệp về xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; phát triển thương mại điện tử; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học nhưng không quá 5 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm.	Học viên/năm							6	5	30	6	5	30	60	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Kiên Giang
5.2	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khoá đào tạo, huấn luyện chuyên sâu ngắn hạn ở nước ngoài nhưng không quá 50 triệu đồng/học viên/năm và không quá 02 học viên/doanh nghiệp/năm	Học viên/năm							2	50	100	2	50	100	200	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Kiên Giang
6	Hỗ trợ về thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo								20	230	900	25	230	1.150	2.050	
6.1	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.	Hợp đồng/năm							2	100	200	2	100	200	400	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Kiên Giang

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Nguồn kinh phí Ngân sách Nhà nước	Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí		
6.2	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử (thời gian hỗ trợ tối đa không quá năm 2025).	Doanh nghiệp							5	50	250	10	50	500	750	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Kiên Giang (Năm 2025 bố trí vốn cho 5 DN mới và 5 DN chuyển tiếp của năm trước)
6.3	Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài								13	80	450	13	80	450	900	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Kiên Giang
6.3.1	Không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước.	Doanh nghiệp							10	30	300	10	30	300	600	
6.3.2	Không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài.	Doanh nghiệp							3	50	150	3	50	150	300	

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Nguồn kinh phí Ngân sách Nhà nước	Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí		
7	Hỗ trợ chi phí tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo (Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo nhưng không quá 30 triệu đồng/cuộc thi/năm/doanh nghiệp)	Doanh nghiệp							2	30	60	2	30	60	120	Sở Khoa học và Công nghệ
III	HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THAM GIA CỤM LIÊN KẾT NGÀNH, CHUỖI GIÁ TRỊ								142	730	3.520	144	730	3.620	7.140	
1	Hỗ trợ đào tạo								52	60	600	52	60	600	1.200	
1.1	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tổ chức khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên sâu tại doanh nghiệp nhưng không quá 50 triệu đồng/khoá/năm/doanh nghiệp.	Khóa đào tạo							2	50	100	2	50	100	200	Sở LĐ-TB&XH thực hiện
1.2	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đào tạo cho học viên của doanh nghiệp khi tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu theo nhu cầu phát triển của ngành, chuỗi giá trị nhưng không quá 10 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm.	Học viên/năm							50	10	500	50	10	500	1.000	Sở LĐ-TB&XH thực hiện
2	Hỗ trợ nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh.								8	130	520	8	130	520	1.040	

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Nguồn kinh phí Ngân sách Nhà nước	Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí		
2.1	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đánh giá toàn diện năng lực của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.	Hợp đồng/năm							4	30	120	4	30	120	240	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Kiên Giang
2.2	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn cải tiến, nâng cấp kỹ thuật chuyên sâu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm cải thiện năng lực sản xuất, đáp ứng yêu cầu kết nối, trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp đầu chuỗi nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.	Hợp đồng/năm							4	100	400	4	100	400	800	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Kiên Giang
3	Hỗ trợ thông tin, phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường								17	270	1.010	19	270	1.110	2.120	
3.1	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	Hợp đồng/năm							2	100	200	2	100	200	400	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Kiên Giang

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Nguồn kinh phí Ngân sách Nhà nước	Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí		
3.2	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử quốc tế (thời gian hỗ trợ tối đa không quá năm 2025).	Hợp đồng/năm							2	50	100	4	50	200	300	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Kiên Giang (Năm 2025 bố trí vốn cho 2 DN mới và 2 DN chuyển tiếp của năm trước)
3.3	Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia tại hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 70 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài.	Doanh nghiệp							13	120	710	13	120	710	1.420	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Kiên Giang
3.3.1	<i>Không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước</i>	<i>Doanh nghiệp</i>							10	50	500	10	50	500	1.000	

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Nguồn kinh phí Ngân sách Nhà nước	Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí		
3.3.2	Không quá 70 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài	Doanh nghiệp							3	70	210	3	70	210	420	
4	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước (Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp).	Hợp đồng/năm							2	50	100	2	50	100	200	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị (Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị nhưng không quá 20 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp).	Hợp đồng/năm							4	20	80	4	20	80	160	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Kiên Giang
6	Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng	Hợp đồng/năm							45	90	750	45	90	750	1.500	

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Nguồn kinh phí Ngân sách Nhà nước	Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí		
6.1	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hợp đồng tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.	Hợp đồng/năm							15	60	350	15	60	350	700	Sở Khoa học và Công nghệ
6.1.1	<i>Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.</i>	<i>Hợp đồng/năm</i>							10	10	100	10	10	100	200	
6.1.2	<i>Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.</i>	<i>Hợp đồng/năm</i>							5	50	250	5	50	250	500	
6.2	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.	Doanh nghiệp							20	10	200	20	10	200	400	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Nguồn kinh phí Ngân sách Nhà nước	Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí		
6.3	Hỗ trợ 100% chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật nhưng không quá 20 triệu đồng/sản phẩm/năm/doanh nghiệp.	Doanh nghiệp							10	20	200	10	20	200	400	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng								14	110	460	14	110	460	920	
7.1	Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp	Doanh nghiệp							10	30	300	10	30	300	600	Sở Khoa học và Công nghệ
7.2	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đặt hàng các cơ sở, viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp	Doanh nghiệp							2	30	60	2	30	60	120	Sở Khoa học và Công nghệ
7.3	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp	Doanh nghiệp							2	50	100	2	50	100	200	Sở Khoa học và Công nghệ